

Số: *31* /CNVL

V/v: Báo cáo thường niên năm 2021

Vĩnh Long, ngày *12* tháng *4* năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long**

Trụ sở chính: Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: 0270.3822583

Fax: 0270.3829432

Người thực hiện công bố thông tin: Đặng Tấn Chiến

Địa chỉ: Số 59/1 Đường Phạm Thái Bường, Phường 4, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0916804444 - 02703 822583

Fax: 0270.3829432

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo thường niên năm 2021**

Thông tin này đã được công bố trên Website của công ty: [www.capnuocvl.com.vn](http://www.capnuocvl.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: *[Signature]*

- Như trên
- Website công ty
- Lưu;

**THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Người đại diện theo pháp luật**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**ĐẶNG TẤN CHIẾN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Long, ngày 12 tháng 04 năm 2022

Số: 31/BC-CNVL

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán.

### **I. THÔNG TIN CHUNG**

#### **1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1500174831
- Vốn điều lệ: 289.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 289.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Số điện thoại: (0270) 382 2583
- Số fax: (0270) 382 9432
- Website: www.capnuocvl.com.vn
- Mã cổ phiếu: VLW

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long được thành lập năm 1936 với tên gọi ban đầu là nhà máy nước Hưng Đạo Vương công suất 1.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nhà máy được thành lập nhằm mục đích cấp nước phục vụ sinh hoạt cho người dân tại Thị xã Vĩnh Long.

Năm 1957 nhà máy được cải tạo, mở rộng nâng công suất lên 2.400 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Năm 1960 nhà máy tiếp tục xây dựng thêm, nâng công suất lên 4.800 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Sau năm 1975, Công ty Cấp nước Cửu Long được hình thành trên cơ sở tiếp quản các hệ thống cấp nước của Ty Cấp thủy Vĩnh Long để lại bao gồm: HTCN Thị xã Vĩnh Long có 02 nhà máy nước gồm nhà máy nước Hưng Đạo Vương, nhà máy nước Cầu Vòng và các hệ thống cấp nước tập trung tại các huyện Vũng Liêm, Trà Ôn và Bình Minh. Tổng quy mô công suất của toàn hệ thống là 6.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Ngày 04/07/1992, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 216/QĐ-UBT thành lập Công ty Công trình Đô thị Vĩnh Long, trong đó bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh là kinh doanh phát triển nhà ở, vỉa hè, công viên cây xanh và thoát nước.

Ngày 12/06/1995, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 773/QĐ-UBT về việc đổi tên Công ty Công trình Đô thị Vĩnh Long thành Công ty Cấp nước tỉnh Vĩnh Long với chức năng, nhiệm vụ chính là sản xuất kinh doanh nước sạch; thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng; đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án cấp nước.

Ngày 19/02/2008, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 295/QĐ-UBT về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cấp nước tỉnh Vĩnh Long thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất kinh doanh nước sạch, nước uống đóng chai; tư vấn xây dựng: thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng; thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng; đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án cấp nước.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, ngày 13/03/2015, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 378/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, giai đoạn 2014 – 2015.

Ngày 26/02/2016, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 401/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long.

Ngày 12/05/2016, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 1058/QĐ-UBND về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa.

Ngày 31/05/2016 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chính thức đi vào hoạt động với hình thức Công ty cổ phần.

Ngày 29/09/2016 Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước công nhận là Công ty Đại chúng.

Ngày 23/12/2016 UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 3090/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp, Báo cáo tài chính đã kiểm toán và nộp phân chênh lệch vốn nhà nước về Quỹ quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

Ngày 20/01/2017 Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 29/2017/GCNCP-VSD, số lượng cổ phiếu đăng ký là 28.900.000 cổ phiếu.

Ngày 10/07/2017 Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 518/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long; ngày 17/07/2017 Cổ phiếu VLW của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 17/01/2018 UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 92/QĐ-UBND về việc thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

Ngày 21/05/2019 UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 1177/QĐ-UBND phê duyệt chi phí thoái vốn và giá trị cổ phần bán được sau khi trừ chi phí có liên quan đến chuyển nhượng vốn tại công ty Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh nước sạch; Sản xuất nước uống đóng chai; kinh doanh nước uống đóng chai; thi công xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật; đầu tư xây dựng các dự án cấp nước; kinh doanh các dự án cấp nước; dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng; kinh doanh thiết bị, vật tư chuyên ngành nước.

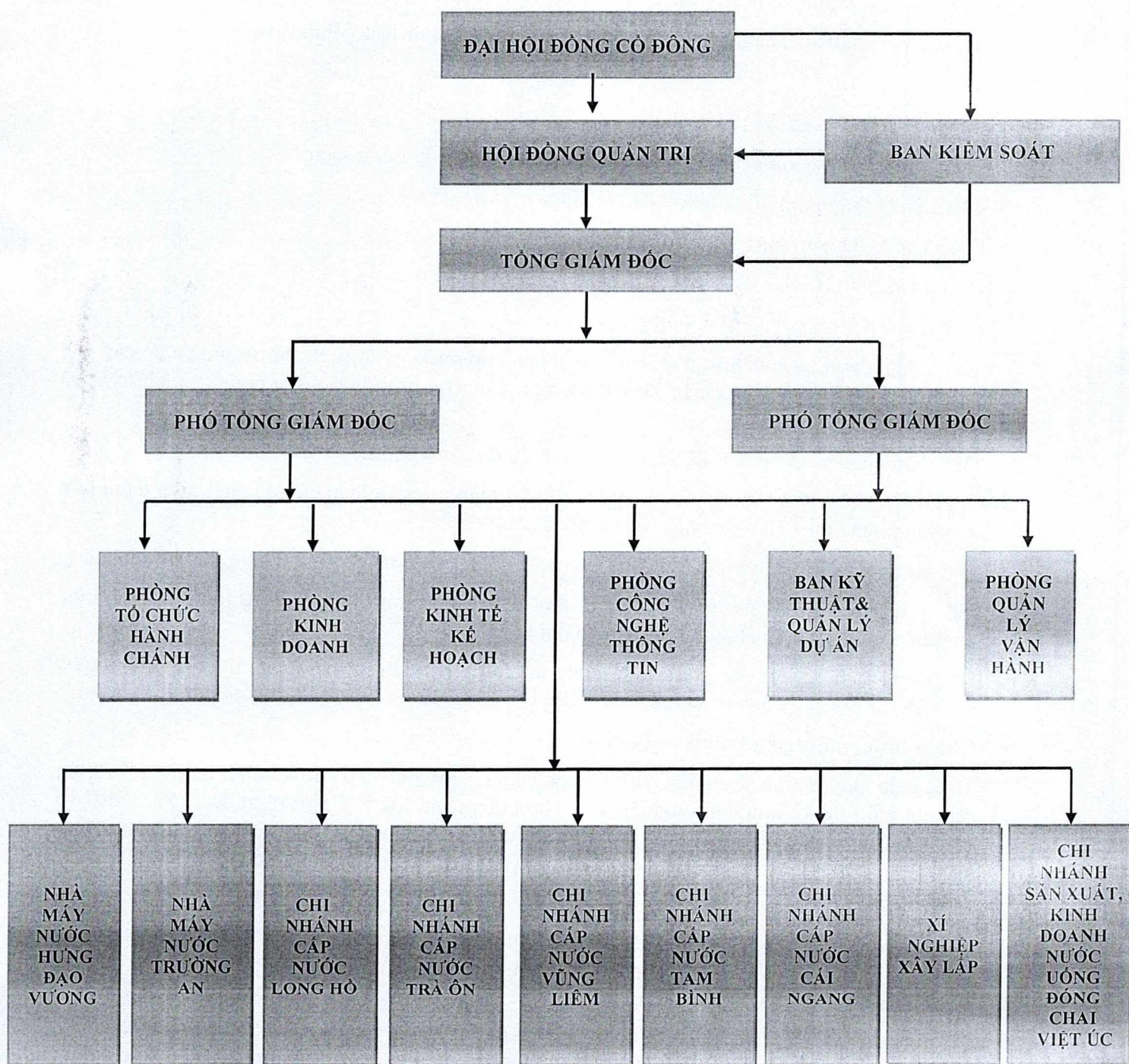
Địa bàn kinh doanh: Thành phố Vĩnh Long, Huyện Long Hồ, Huyện Vũng Liêm, Huyện Tam Bình, Huyện Trà Ôn và khu Công nghiệp Hòa Phú.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### 3.1 Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Tổng giám đốc
- Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị

#### 3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:



### 3.3 Các công ty liên kết:

- ♦ *Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cửu Long*

Địa chỉ: Số 93 đường Đinh Tiên Hoàng, Phường 8, TP. Vĩnh Long, Vĩnh Long

Điện thoại: 0270.3822074

Giấy CN ĐKDN: 1500590493 - ngày cấp: 04/05/2009; thay đổi lần 1 ngày 31/10/2014

Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác xử lý và cung cấp nước sạch

Vốn điều lệ thực góp: 9.000.000.000 đồng

Tỷ lệ VWACO nắm giữ: 20% Vốn điều lệ

- ♦ *Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Bình Tân*

Địa chỉ: Số 3530 ấp Thành Phú, Xã Thành Lợi, Huyện Bình Tân, Vĩnh Long

Điện thoại: 0270.3753 368

Giấy CN ĐKDN: 1501012456 - ngày cấp: 22/10/2014

Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác xử lý và cung cấp nước sạch

Vốn điều lệ thực góp: 20.000.000.000 VND

Tỷ lệ VWACO nắm giữ: 25% Vốn điều lệ

## 4. Định hướng phát triển

### 4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển hệ thống cấp nước, phát triển thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển công ty, từng bước đưa công ty phát triển và tăng trưởng bền vững.

Đảm bảo giá bán sản phẩm đã tính đúng, tính đủ theo quy định.

Thực hiện chủ trương đa ngành, đa nghề. Công ty tập trung nghiên cứu để phát triển thêm một số ngành nghề mới mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Tập trung mở rộng vùng phục vụ, tìm kiếm các đối tác mới nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận.

Tiếp tục thực hiện đề án giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch. Đầu tư trang bị máy móc thiết bị phục vụ sản xuất theo hướng hiện đại hoá.

Huy động mọi nguồn vốn của các tổ chức để thực hiện đầu tư, nâng cấp thiết bị, công nghệ hiện đại, tiên tiến để nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh.

### 4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Thực hiện Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 về “Phê duyệt định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050” và nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Vĩnh Long, Công ty tiếp tục định hướng phát triển dịch vụ cấp nước đô thị tỉnh Vĩnh Long theo từng giai đoạn như sau:

- *Giai đoạn đến năm 2025*

Tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại các đô thị đạt 100%, với tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 120 lít/người/ngày đêm, chất lượng nước đạt quy chuẩn quy định; các khu công nghiệp được cấp nước đầy đủ theo yêu cầu áp lực và lưu lượng.

Tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực đô thị lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 75%; tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch tại các đô thị dưới 15%; dịch vụ cấp nước liên tục, đủ áp lực 24 giờ trong ngày.

Ứng phó có hiệu quả tình hình xâm nhập mặn ngày càng trầm trọng.

- *Tầm nhìn đến năm 2030-2050.*

Đáp ứng mọi nhu cầu và bảo đảm cấp nước an toàn cho sinh hoạt và sản xuất của đô thị, khu dân cư tập trung và khu công nghiệp.

Tích cực góp phần đảm bảo an ninh nước sạch.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty).

## 5. Các rủi ro:

### 5.1. Rủi ro kinh tế

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước và thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế của Công ty cũng như sự phát triển của ngành, của khu vực.

Do nước sạch được xếp vào dạng hàng hóa sinh hoạt thiết yếu, gắn liền với quá trình phát triển đất nước và luôn nằm trong danh mục khuyến khích phát triển đầu tư của Chính phủ. Tuy nhiên những biến động bất thường của nền kinh tế thế giới và kinh tế trong nước trong thời gian qua như biến động giá xăng dầu, giá điện, giá nguyên vật liệu đầu vào và tình hình tài chính tiền tệ đã ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

### 5.2 Rủi ro về giá

Đặc thù ngành cung cấp nước là ngành dịch vụ công ích và thuộc sự kiểm soát giá của Nhà nước. Do đó giá bán nước sạch do UBND tỉnh quy định, Công ty không được chủ động điều chỉnh một khi có sự biến động lớn các yếu tố sản xuất đầu vào làm tăng giá thành sản phẩm công ty phải lập phương án trình các cơ quan chức năng thẩm định và lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động của việc điều chỉnh giá nước, do đó giá bán nước sạch sẽ không được điều chỉnh kịp thời.

Vì vậy Công ty chịu rủi ro về giá khá cao nếu không kiểm soát được tỷ lệ thất thoát nước, chi phí nguyên vật liệu sản xuất, chi phí quản lý, chi phí đầu tư và chi phí vận hành hệ thống mạng lưới ống phân phối thì nguy cơ tăng chi phí, giảm lợi nhuận là rất lớn.

### 5.3 Rủi ro nguyên liệu sản xuất đầu vào

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là nguồn nước mặt khai thác trực tiếp từ sông Tiên và sông Hậu nhưng do địa phận tỉnh Vĩnh Long nằm ở hạ nguồn sông Mekong nên hàng năm chịu sự tác động của biến đổi khí hậu làm nguồn nguyên liệu nước thô bị nhiễm mặn và tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng do sản xuất nông nghiệp và công nghiệp đang tạo ra thách thức không nhỏ cho Công ty trong việc đảm bảo nguồn nước sạch cho sản xuất.

### 5.4 Rủi ro tỷ lệ thất thoát nước

Tỷ lệ thất thoát nước luôn là yếu tố được quan tâm hàng đầu, nước rò rỉ được phân theo hai dạng chính là loại dễ thấy (nước tràn trên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước, kênh, rạch ...) nên việc kiểm soát thất thoát rất khó khăn. So sánh với các tỉnh trong cùng khu vực và cả nước, tỷ lệ thất thoát nước tại Vĩnh Long luôn nằm trong nhóm có tỷ lệ thất thoát trung bình. Nguyên nhân là do hệ thống đường ống cấp nước ở nhiều đô thị quá cũ, có nhiều tuyến ống trên 30 năm sử dụng, mạng lưới đường ống phân phối trải rộng khi bị rò rỉ khó phát hiện. Một bộ phận người dân còn thiếu ý thức chấp hành quy định khi sử dụng nước còn gian lận dẫn đến nguồn nước sạch bị thất thoát.

## 5.5 Rủi ro luật pháp

Tuân thủ quy định pháp luật là một trong những tiêu chí hàng đầu, là kim chỉ nam trong việc định hướng hoạt động của Công ty. Với những đặc thù của Công ty cổ phần hoạt động trong ngành cấp nước, những hoạt động của Công ty đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế, Luật Tài nguyên nước, Luật bảo vệ môi trường, v.v... cùng với các quy định, tiêu chuẩn về an toàn và chất lượng nguồn nước. Tuy nhiên, do hệ thống pháp luật Việt Nam và cơ chế quản lý đang trong quá trình hoàn thiện nên các rủi ro về mặt pháp lý vẫn luôn hiện hữu và đòi hỏi Công ty phải luôn chủ động trong công tác nghiên cứu, cập nhật nhanh chóng các quy định pháp lý để vận dụng phù hợp, hạn chế những rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đang trong giai đoạn đầu hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, những thay đổi về luật pháp phần nào ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và công tác quản trị.

## 5.6 Rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, tình hình xâm nhập mặn kéo dài; dịch bệnh Covid 19... làm ảnh hưởng đến mức độ ổn định, an toàn trong sản xuất và nhu cầu của khách hàng. Các rủi ro này đã tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Công ty cũng luôn chú trọng đề phòng, xây dựng các giải pháp ứng phó đối với các rủi ro bất khả kháng khác nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại, giữ an toàn về người, tài sản và hoạt động cho Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ % TH21/KH21	Tỷ lệ % TH21/TH20
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	m <sup>3</sup>	17.182.407	18.100.000	18.102.858	100,02%	105,36%
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu/đ	184.284	192.175	192.831	100,34%	104,64%
	<i>Trong đó doanh thu nước sạch</i>	Triệu/đ	<i>157.794</i>	<i>166.264</i>	<i>164.596</i>	<i>99,00%</i>	<i>104,31%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu/đ	63.907	67.662	74.702	110,40%	116,89%
	<i>Trong đó lợi nhuận nước sạch</i>	Triệu/đ	<i>48.266</i>	<i>52.739</i>	<i>57.550</i>	<i>109,12%</i>	<i>119,23%</i>
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu/đ	61.974	62.326	69.081	110,84%	111,47%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu/đ	16.627	17.386	17.971	103,36%	108,08%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	%	21,44%	21,57%	23,90%	110,84%	111,47%
7	Vốn điều lệ	Triệu/đ	289.000	289.000	289.000	100,00%	100,00%

#### 1.1 Sản lượng nước cung cấp:

Nhiệm vụ cung cấp nước an toàn, liên tục và đảm bảo chất lượng, phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn đô thị tỉnh là nhiệm vụ chính hàng đầu của Công ty.

Sản lượng nước cung cấp năm 2021 đạt 18.102.858 m<sup>3</sup>, bằng 100,02% so với kế hoạch năm 2021 và đạt 105,36% so với thực hiện năm 2020.

#### 1.2 Doanh thu tiền nước:

Doanh thu tiền nước được ghi nhận hàng tháng theo đúng pháp luật hiện hành;

Giá bán sản phẩm nước sạch được áp dụng cho từng đối tượng sử dụng nước phù hợp với quyết định của UBND tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

Thực hiện chương trình nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, Công ty đã chủ động liên hệ với các ngân hàng và các tổ chức thu hộ triển khai thu tiền nước không dùng tiền mặt theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ. Việc mở rộng các kênh thanh toán đã tạo thuận lợi cho khách hàng cũng như tăng tỷ lệ thực thu, giảm rủi ro cho công tác thu tiền của đơn vị. Nhờ vào các biện pháp quản lý chặt chẽ doanh thu tiền nước, tăng cường thu thêm ngày thứ 7 trong những đợt cao điểm, với nỗ lực rất lớn của lãnh đạo và tập thể người lao động của công ty mà công tác thu tiền luôn đạt hiệu quả, tỷ lệ thực thu luôn đạt ở mức cao.

### 1.3 Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch:

Với nhiệm vụ cung cấp nước sạch trên địa bàn đô thị tỉnh nhận thấy đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Trước nhiệm vụ được giao, Công ty đã quyết liệt trong việc triển khai thực hiện bằng nhiều biện pháp. Thực hiện các dự án phát triển mạng lưới cấp nước, tập trung thi công hoàn tất, nhanh chóng đưa vào sử dụng, ưu tiên cho công tác gắn đồng hồ nước để người dân có nước sạch sử dụng. Với sự quyết tâm, chỉ đạo thực hiện bằng nhiều biện pháp của lãnh đạo, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân lao động Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tỷ lệ hộ dân đô thị được cấp nước sạch bình quân trong vùng phục vụ đạt 99,6% với mức nước bình quân thực tế 110 lít/người/ngày.

### 1.4 Tỷ lệ thất thoát nước:

Công tác giám sát, quản lý chặt chẽ hệ thống mạng lưới cấp nước cũng được chú trọng quan tâm nhiều hơn, tình trạng xì bể trên mạng lưới được khắc phục kịp thời, nhanh chóng. Những trường hợp xì bể lớn do các công trình hạ tầng thi công ồ ạt kéo dài trên địa bàn tỉnh đều được Công ty xử lý kịp thời, tăng cường nhiều biện pháp quản lý chặt chẽ chỉ số đồng hồ nước tại hộ khách hàng giúp giảm thiểu lượng nước thất thoát thất thu. Vì vậy tỷ lệ thất thoát nước năm 2021 công ty đã kéo giảm còn 19.5% đạt mục tiêu chương trình quốc gia về chống thất thoát nước.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Danh sách Ban điều hành (Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng)

#### **Ông Nguyễn Tấn Phát**

Chức vụ:	TV HĐQT – Tổng Giám đốc
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	03/03/1963
Số CMND:	330696195
Cấp ngày: 03/08/2010	Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Long
Quê quán:	Xã Long An - Huyện Cần Giuộc - Tỉnh Long An
Địa chỉ thường trú:	43/24/6 Khóm 2, Phường 3, Thành phố Vĩnh Long - Tỉnh Vĩnh Long
Trình độ học vấn:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Đô Thị
Số cổ phần nắm giữ, đại diện	3.005.200 tương ứng 10,4% VDL
+ Cá nhân sở hữu	57.400 CP tương ứng 0,2% VDL



+ Đại diện UBND tỉnh Vĩnh Long sở hữu 2.947.800 CP tương ứng 10,2% VDL

**Ông Nguyễn Quốc Đạt**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc  
 Giới tính: Nam  
 Ngày sinh: 1970  
 Số CMND: 331715252  
 Cấp ngày: 14/04/2014 Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Long  
 Quê quán: Xã Hậu Lộc Huyện Tam Bình Tỉnh Vĩnh Long  
 Địa chỉ thường trú: 94/9 Đường Lê Thái Tổ, P2, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long  
 Trình độ học vấn: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đô Thị, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh  
 Số cổ phần nắm giữ, đại diện 7.700 tương ứng 0,027 % VDL  
 + Cá nhân sở hữu 7.700 tương ứng 0,027 % VDL  
 + Đại diện sở hữu Không có

**Ông Lương Minh Triết**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc  
 Giới tính: Nam  
 Ngày sinh: 02/10/1968  
 Số CMND: 330914947  
 Cấp ngày: 24/02/2011 Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Long  
 Quê quán: Xã Tân Lộc, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long  
 Địa chỉ thường trú: 36 Ngô Quyền, Phường 2, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long  
 Trình độ học vấn: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ Kế toán  
 Số cổ phần nắm giữ, đại diện 15.000 tương ứng 0,0519 % VDL  
 + Cá nhân sở hữu 15.000 tương ứng 0,0519 % VDL  
 + Đại diện sở hữu Không có

**Ông Lê Văn Thắng**

Chức vụ: Kế toán trưởng  
 Giới tính: Nam  
 Ngày sinh: 06/01/1974

Số CMND:	331734354
Cấp ngày: 31/03/2010	Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Long
Quê quán:	Xã Tân An Luông, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú:	827 Vĩnh Hòa, Tân Ngãi, Tp.Vĩnh Long, Vĩnh Long
Trình độ học vấn:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ QTKD
Số cổ phần nắm giữ, đại diện	14.400 tương ứng 0,0498% VDL
+ Cá nhân sở hữu	14.400 tương ứng 0,0498% VDL
+ Đại diện sở hữu	Không có

## 2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

Ông Lương Minh Triết được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 30/06/2021.

Ông Lê Văn Thắng được bổ nhiệm làm kế toán trưởng thay bà Bùi Thiện Ngọc Minh từ ngày 30/06/2021.

Tại ngày 31/12/2021 Ban điều hành gồm:

Ông Nguyễn Tấn Phát - Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Đạt – Phó Tổng Giám đốc

Ông Lương Minh Triết – Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Thắng – Kế toán trưởng

## 2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>244</b>	<b>100%</b>
1	Đại học và trên đại học	103	42,21%
2	Cao đẳng, Trung cấp	73	29,92%
3	Được đào tạo nghề	63	25,82%
4	Chưa qua đào tạo	5	2,05%
<b>II</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>244</b>	<b>100%</b>
1	Nam	204	83,61%
2	Nữ	40	16,39%

## 2.4 Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

### a) Chính sách tuyển dụng

Với tiêu chí lấy người lao động làm nền tảng và động lực cho sự phát triển của công ty, Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng đầu vào, đảm bảo đủ năng lực và trình độ phục vụ cho định hướng phát triển của công ty.

*b) Chính sách đào tạo*

Đầu tư và phát triển con người là một trong những yếu tố cốt lõi của công ty nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của xã hội. Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ với các nội dung thiết thực, nhằm ứng dụng tốt trong thực tiễn công tác.

*c) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi*

Công ty luôn quan tâm đến chế độ lương, thưởng, phúc lợi cho người lao động nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động, tạo động lực cho sự phát triển của mỗi cá nhân, phấn đấu góp phần vào sự phát triển của công ty. Là doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước chi phối, do đó chính sách tiền lương, tiền thưởng công ty thực hiện theo quy định của Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTB-XH ngày 01/09/2016. Để tạo động lực thúc đẩy người lao động thi đua lao động sản xuất, sáng kiến cải tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, Công ty xây dựng và ban hành quy chế tiền lương, thưởng quy định thêm chính sách khen thưởng như: Thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong công tác; thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật; thưởng hoàn thành dự án trước tiến độ.

Ngoài ra, Công ty còn vận động, tạo sự gắn bó mật thiết giữa công nhân lao động và cấp quản lý nhằm tạo môi trường làm việc vui vẻ, tăng động lực làm việc cho toàn thể công nhân viên lao động. Luôn quan tâm, chăm sóc sức khỏe của người lao động một cách đúng mức, đảm bảo tốt các quyền lợi của người lao động như: các chế độ bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ,... Bên cạnh đó, công ty còn tổ chức các buổi sinh hoạt truyền thống, sinh nhật tập thể và các chuyến đi nghỉ mát nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thời gian thư giãn sau những giờ làm việc căng thẳng, tạo nên sự gắn kết trong nội bộ công ty.

*d) Các chế độ chính sách khác đối với người lao động*

Chế độ làm việc: Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày và 44 giờ/tuần.

Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: theo quy định của pháp luật.

Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp: Công ty thực hiện đóng bảo hiểm bắt buộc 100% cho người lao động. Ngoài ra các chính sách khác có lợi cho người lao động công ty cũng rất quan tâm như mua bảo hiểm con người, bảo hiểm nhân thọ 100% cho người lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, áp dụng chế độ định kỳ kiểm tra sức khỏe cho toàn thể người lao động trong Công ty mỗi năm một lần.

*e) Sự tuân thủ pháp luật của nhân viên.*

Mọi cá nhân trong Công ty nghiêm túc tuân thủ quy định của pháp luật lao động, thuế, các nội quy, quy chế, thỏa ước đã được ban hành như: ký hợp đồng lao động, chấp hành tốt nội qui Công ty, tuân thủ mọi quy định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

*f) Chính sách cổ tức*

Hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Năm 2021: Hội đồng quản trị dự kiến mức chi trả cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ 14%/ Vốn điều lệ. Ngày 20/10/2021, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 5% mệnh giá cổ

phiếu theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chi nhánh TP Hồ Chí Minh lập ngày 06/10/2021.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản

#### 3.1 Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản:

Nội dung đầu tư	ĐVT	Thực hiện	
		Khối lượng	Giá trị (triệu đồng)
<b>1. Mạng ống tải và phân phối D100-200</b>	Mét	<b>1.276</b>	<b>3.403</b>
+ Lắp đặt mới	“	1.276	3.403
<i>Tuyến ống chuyển tải DN200÷DN300 Trà Ôn</i>		1.276	3.403
+ Thay thế	“		
<b>2. Mạng ống dịch vụ D40- 90</b>	Mét	<b>36.750</b>	<b>13.650</b>
+ Lắp đặt mới	“	26.083	8.642
+ Thay thế	“	10.667	5.008
<b>3. Đầu nối khách hàng</b>	Hộ	<b>2.634</b>	<b>5.321</b>
+ Lắp đặt mới	“	2.634	5.321
<b>4. Sửa chữa thay thế</b>		<b>14.728</b>	<b>7.116</b>
+ Thay thế, chỉnh trang (DTĐN)	Hộ	1.643	2.044
+ Thay thế đồng hồ định kỳ	Chiếc	13.085	5.072
<b>5. Công trình khác</b>		-	<b>7.642</b>
<b>Tổng số: (1+2+3+4+5)</b>			<b>37.132</b>

#### 3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

a) Công ty liên kết: Công ty Cổ phần nước và Môi trường Cửu Long

- Tài sản:

STT	TÀI SẢN	Năm 2020		Năm 2021		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
A	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>20.023.927.065</b>	<b>93,45%</b>	<b>22.520.969.266</b>	<b>95,87%</b>	<b>2.497.042.201</b>	<b>12,47%</b>
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.502.779.566	16,35%	7.241.433.637	30,83%	3.738.654.071	106,73%
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.450.000.000	72,10%	14.850.000.000	63,22%	(600.000.000)	-3,88%
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	827.996.500	3,86%	297.173.212	1,27%	(530.823.288)	-64,11%
IV	Hàng tồn kho	243.150.999	1,13%	132.362.417	0,56%	(110.788.582)	-45,56%
V	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	-	-	-
B	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>1.403.429.881</b>	<b>6,55%</b>	<b>969.483.754</b>	<b>4,13%</b>	<b>(433.946.127)</b>	<b>-30,92%</b>
I	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-
II	Tài sản cố định	1.310.762.988	6,12%	880.889.485	3,75%	(429.873.503)	-32,80%
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-	-	-	-
V	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	92.666.893	0,43%	88.594.269	0,38%	(4.072.624)	-4,39%
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>21.427.356.946</b>	<b>100,00%</b>	<b>23.490.453.020</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.063.096.074</b>	<b>9,63%</b>

- Nguồn vốn:

STT	NGUỒN VỐN	Năm 2020		Năm 2021		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
A	Nợ phải trả	1.359.471.554	6,34%	1.547.867.253	6,59%	188.395.699	13,86%
B	Vốn chủ sở hữu	20.067.885.392	93,66%	21.942.585.767	93,41%	1.874.700.375	9,34%
	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>21.427.356.946</b>	<b>100,00%</b>	<b>23.490.453.020</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.063.096.074</b>	<b>9,63%</b>

- Kết quả kinh doanh:

STT	KẾT QUẢ KINH DOANH	Năm 2020	Năm 2021	Chênh lệch	Tỷ trọng
1	Doanh thu	7.453.399.200	7.699.146.000	245.746.800	3,30%
2	Lợi nhuận trước thuế	3.844.460.005	4.283.199.036	438.739.031	11,41%
3	Lợi nhuận sau thuế	3.619.985.514	3.951.290.726	331.305.212	9,15%
4	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	18,04%	18,01%	-0,03%	-0,17%
5	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	16,89%	16,82%	-0,07%	-0,43%

## b) Công ty liên kết: Công ty Cổ phần nước và Môi trường Bình Tân

## - Tài sản:

STT	TÀI SẢN	Năm 2020		Năm 2021		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>24.112.561.926</b>	<b>39,70%</b>	<b>24.746.780.967</b>	<b>38,40%</b>	<b>634.219.041</b>	<b>2,63%</b>
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	5.912.472.610	9,73%	9.112.788.103	14,14%	3.200.315.493	54,13%
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.170.000.000	15,10%	4.270.000.000	6,63%	(4.900.000.000)	-53,44%
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	2.932.227.151	4,83%	3.381.460.206	5,25%	449.233.055	15,32%
IV	Hàng tồn kho	6.097.862.165	10,04%	7.982.532.658	12,39%	1.884.670.493	30,91%
V	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	-	-	-
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>36.629.267.673</b>	<b>60,30%</b>	<b>39.704.322.499</b>	<b>61,60%</b>	<b>3.075.054.826</b>	<b>8,40%</b>
I	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-
II	Tài sản cố định	33.864.508.811	55,75%	30.480.311.079	47,29%	(3.384.197.732)	-9,99%
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	473.905.479	0,78%	6.446.208.484	10,00%	5.972.303.005	1260,23%
V	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	2.290.853.383	3,77%	2.777.802.936	4,31%	486.949.553	21,26%
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>60.741.829.599</b>	<b>100,00%</b>	<b>64.451.103.466</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.709.273.867</b>	<b>6,11%</b>

## - Nguồn vốn:

STT	NGUỒN VỐN	Năm 2020		Năm 2021		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
A	Nợ phải trả	27.784.100.051	45,74%	28.228.854.220	43,80%	444.754.169	1,60%
B	Vốn chủ sở hữu	32.957.729.548	54,26%	36.222.249.246	56,20%	3.264.519.698	9,91%
	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>60.741.829.599</b>	<b>100,00%</b>	<b>64.451.103.466</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.709.273.867</b>	<b>6,11%</b>

## - Kết quả kinh doanh:

STT	KẾT QUẢ KINH DOANH	Năm 2020	Năm 2021	Chênh lệch	Tỷ trọng
1	Doanh thu	26.211.853.506	25.161.469.427	(1.050.384.079)	-4,01%
2	Lợi nhuận trước thuế	8.159.018.406	8.528.254.165	369.235.759	4,53%
3	Lợi nhuận sau thuế	7.762.306.762	7.811.311.503	49.004.741	0,63%
4	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	23,55%	21,56%	-1,99%	-8,44%
5	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	12,78%	12,12%	-0,66%	-5,16%

## c) Đầu tư dài hạn: Công ty Cổ phần nước và Môi trường Mang Thít

## - Tài sản:

STT	TÀI SẢN	Năm 2020		Năm 2021		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.619.695.240</b>	<b>44,75%</b>	<b>1.781.238.315</b>	<b>49,97%</b>	<b>161.543.075</b>	<b>9,97%</b>
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	130.794.141	3,61%	677.095.536	18,99%	546.301.395	417,68%
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.000.000.000	27,63%	700.000.000	19,64%	(300.000.000)	-30,00%
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	255.867.797	7,07%	230.525.802	6,47%	(25.341.995)	-9,90%
IV	Hàng tồn kho	173.700.139	4,80%	157.354.855	4,41%	(16.345.284)	-9,41%
V	Tài sản ngắn hạn khác	59.333.163	1,64%	16.262.122	0,46%	(43.071.041)	-72,59%
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>1.999.570.919</b>	<b>55,25%</b>	<b>1.783.715.839</b>	<b>50,03%</b>	<b>(215.855.080)</b>	<b>-10,80%</b>
I	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-
II	Tài sản cố định	1.999.570.919	55,25%	1.688.954.039	47,38%	(310.616.880)	-15,53%
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	-	-	94.761.800	2,66%	94.761.800	#DIV/0!
V	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-	-
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>3.619.266.159</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.564.954.154</b>	<b>100,00%</b>	<b>(54.312.005)</b>	<b>-1,50%</b>

## - Nguồn vốn:

STT	NGUỒN VỐN	Năm 2020		Năm 2021		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>1.619.266.159</b>	<b>44,74%</b>	<b>1.564.954.154</b>	<b>43,90%</b>	<b>(54.312.005)</b>	<b>-3,35%</b>
1	Nợ ngắn hạn	620.926.159	17,16%	566.614.154	15,89%	(54.312.005)	-8,75%
2	Nợ dài hạn	998.340.000	27,58%	998.340.000	28,00%	-	-
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>55,26%</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>56,10%</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Vốn chủ sở hữu	2.000.000.000	55,26%	2.000.000.000	56,10%	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-	-	-
	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>3.619.266.159</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.564.954.154</b>	<b>100,00%</b>	<b>(54.312.005)</b>	<b>-1,50%</b>

## - Kết quả kinh doanh:

STT	KẾT QUẢ KINH DOANH	Năm 2020	Năm 2021	Chênh lệch	Tỷ trọng
1	Doanh thu	2.792.095.359	2.859.265.992	67.170.633	2,41%
2	Lợi nhuận trước thuế	669.041.197	658.879.680	(10.161.517)	-1,52%
3	Lợi nhuận sau thuế	575.375.430	566.636.525	(8.738.905)	-1,52%
4	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	28,77%	28,33%	-0,44%	-1,52%
5	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	15,90%	15,89%	0,01%	0,06%

## 4. Tình hình tài chính

### 4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	490.976	490.312	99,86%
2	Doanh thu thuần	168.301	175.540	104,30%
3	Giá vốn hàng bán	60.187	61.487	102,16%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	13.336	11.991	89,91%
5	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	62.383	70.513	113,03%
6	Lợi nhuận khác	1.524	4.189	274,87%
7	Lợi nhuận trước thuế	63.907	74.702	116,89%
8	Lợi nhuận sau thuế	61.974	69.081	111,47%
9	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	10,00%	10,00%	100,00%

### 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021
<b>1. Khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	3,69	4,38
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ- hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	3,36	4,03
<b>2. Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	23,3	19,73
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	30,4	24,67
<b>3. Năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	4,32	3,87
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	0,34	0,36
<b>4. Khả năng sinh lời</b>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	36,85	39,35
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	16,5	17,6
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	12,62	14,09
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	37,07	40,17

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1 Cổ phần:

Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành : 28.900.000 cổ phần  
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyên nhượng: 1.948.200 cổ phần.

Trong đó:



- Cổ đông chiến lược: 1.445.000 cổ phần. Thời gian hạn chế chuyển nhượng là 5 năm. Căn cứ vào Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/07/2011 và Công văn cam kết của cổ đông chiến lược.
- Người lao động cam kết làm việc lâu dài: 503.200 cổ phần. Thời gian hạn chế chuyển nhượng được căn cứ vào Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/07/2011 và Đơn đăng ký mua cổ phần của người lao động theo thời gian cam kết làm việc khi công ty chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.
- Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tối đa tại công ty là 50%.

## 5.2 Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp (%)
I	Cổ đông lớn/ nhỏ	301	28.900.000	100,00%
1	Cổ đông lớn (từ 5%)	3	25.909.962	89,65%
2	Cổ đông nhỏ (dưới 5%)	298	2.990.038	10,35%
II	Cổ đông tổ chức/ cá nhân	301	28.900.000	100,00%
1	Cổ đông tổ chức	5	25.922.162	89,70%
2	Cổ đông cá nhân	296	2.977.838	10,30%
III	Cổ đông trong nước/ nước ngoài	301	28.900.000	100,00%
1	Cổ đông trong nước	290	28.858.100	99,86%
2	Cổ đông nước ngoài	11	41.900	0,14%
IV	Cổ đông Nhà nước và cổ đông khác	301	28.900.000	100,00%
1	Cổ đông Nhà nước	1	14.739.000	51,00%
2	Cổ đông tổ chức	2	11.170.962	38,65%
3	Cổ đông cá nhân	287	2.948.138	10,20%
4	Cổ đông nước ngoài	11	41.900	0,14%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

### 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Hoạt động sản xuất và kinh doanh chính của công ty là nước sạch chiếm tỷ lệ 93,76% doanh thu nên nguồn nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất chủ yếu là nguồn nước mặt sông tiền và sông hậu. Chất lượng nước sau xử lý luôn tuân thủ các quy định do Nhà nước ban hành.

### 6.3. Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 5.834.743 kw

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

### 6.4. Tiêu thụ nước.

#### a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn nước cung cấp được sản xuất từ các Nhà máy nước của công ty và mua nước sạch qua đồng hồ tổng từ Công ty Cổ phần Nước và Môi Trường Cửu Long, thông qua hệ thống mạng cấp nước của công ty để phân phối cho khách hàng thuộc địa bàn được giao quản lý.

Lượng nước sử dụng: Năm 2021, Công ty đã phân phối 18.102.858 m<sup>3</sup> cho khách hàng

#### b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

### 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

#### a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Số lượng lao động: 244 người

Mức lương trung bình: 8,69 triệu đồng/người/tháng

#### b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Đảm bảo thời gian làm việc của người lao động theo quy định của Luật Lao động.

Toàn thể người lao động đều được ký hợp đồng lao động và được hưởng đầy đủ chế độ theo quy định để người lao động yên tâm, gắn bó với công ty. 100% người lao động được mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm con người và khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

Trang bị đồng phục và trang bị bảo hộ lao động, trang bị phương tiện làm việc đầy đủ cho người lao động.

Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho người lao động nhằm tái tạo sức lao động, tăng cường thể lực, sức khỏe để cống hiến, phục vụ công tác tốt hơn như: Cầu lông, tennis, bóng chuyền, bóng đá...

Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn.

#### c) Hoạt động đào tạo người lao động

Năm 2021, Công ty đã tổ chức cho 7 lượt người lao động tham gia nâng cao tay nghề, và tham gia các lớp: Giám đốc điều hành CEO, trung cấp lý luận chính trị, tập huấn online về đào tạo quản lý dự án đầu tư xây dựng, các chính sách mới nhất về lao động, tiền lương và bảo hiểm

xã hội.

### 6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Nhu cầu sử dụng nước sạch là nhu cầu thiết yếu, do đó để tạo điều kiện cho các hộ dân được cấp nước sạch, góp phần phục vụ an sinh xã hội, Công ty đã sử dụng nguồn vốn của công ty để đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước và gắn đồng hồ nước cho khách hàng theo nghị định 117/2007/NĐ-CP. Ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chú trọng đến công tác xã hội. Năm 2021 Công ty đã thực hiện các công tác sau:

Xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách, nhà đại đoàn kết, thăm hỏi và tặng quà cho gia đình chính sách, đóng góp ủng hộ quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, trợ cấp học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, ủng hộ chính quyền địa phương thực hiện chăm lo đời sống cho các hộ dân gặp khó khăn, bị ảnh hưởng bởi Covid-19 và các chính sách an sinh xã hội.

Ngoài ra do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và hạn mặn kéo dài để giảm bớt khó khăn cho người dân nhất là các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh công ty đã thực hiện chính sách giảm giá nước sạch, hỗ trợ nước sạch cho đồng bào vùng bị ngập mặn với số tiền 1.583 triệu đồng.

### 6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1 Kết quả thực hiện:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ %
1	Doanh thu		192.175	192.831	100,34%
1.1	Nước sạch	Triệu/đ	166.234	164.596	99,01%
1.2	Nước uống đóng chai Việt Úc	Triệu/đ	5.577	5.161	92,54%
1.3	Xây lắp	Triệu/đ	5.127	5.575	108,74%
1.4	Kinh doanh vật tư chuyên ngành nước	Triệu/đ	188	207	110,11%
1.5	Hoạt động tài chính	Triệu/đ	11.668	11.991	102,77%
1.6	Hoạt động khác	Triệu/đ	3.381	5.301	156,79%
<b>2</b>	<b>Lợi nhuận</b>		<b>62.325</b>	<b>74.702</b>	<b>119,86%</b>
2.1	Nước sạch	Triệu/đ	50.102	57.550	114,87%
2.2	Nước uống đóng chai Việt Úc	Triệu/đ	304	292	96,05%
2.3	Xây lắp	Triệu/đ	603	777	128,86%
2.4	Kinh doanh vật tư chuyên ngành nước	Triệu/đ	10	16	160,00%
2.5	Hoạt động tài chính	Triệu/đ	9.524	11.878	124,72%
2.6	Hoạt động khác	Triệu/đ	1.782	4.189	235,07%
3	Nộp ngân sách Nhà nước	Triệu/đ	17.386	17.971	103,36%

## 1.2 Phân tích đánh giá tổng quan về hoạt động của công ty:

Nước sạch là sản phẩm thiết yếu phục vụ cuộc sống, sự đòi hỏi của khách hàng ngày càng cao về chất lượng sản phẩm phục vụ. Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long đã có nhiều cách làm đột phá để đạt được các chỉ tiêu đề ra, cân đối hài hoà giữa hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và chức năng phục vụ xã hội. Công ty không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ xã hội cũng là nhiệm vụ chính trị hàng đầu là nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn thuộc vùng quản lý.

Trang thiết bị kỹ thuật được cải tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý mạng lưới cấp nước; ghi chỉ số đồng hồ nước... có động thái tích cực trong việc giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu. Bên cạnh việc thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Công ty đã đẩy mạnh công tác cải cách hành chính giải quyết nhanh chóng mọi yêu cầu của khách hàng... Với sự nỗ lực, quyết tâm của lãnh đạo và tập thể người lao động, Công ty đã hoàn thành xuất sắc vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch như sau:

Sản lượng nước tiêu thụ đạt 18.102.858 m<sup>3</sup>, đạt 100,02% so với kế hoạch

Doanh thu đạt 192.831 triệu đồng, đạt 100,34% so với kế hoạch (*trong đó doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch đạt 164.596 triệu đồng, đạt 99.01% so với kế hoạch*)

Lợi nhuận đạt 74.702 triệu đồng, đạt 119,86% so với kế hoạch.

Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch đạt 99,6% khu vực đô thị của tỉnh.

## 1.3 Những tiến bộ đạt được:

Hoàn thành xuất sắc vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, đặc biệt là chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước.

Hoàn thành tốt chỉ tiêu 99,6% hộ dân đô thị được cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh.

Triển khai nhiều giải pháp đồng bộ trong công tác giảm nước thất thoát.

Trước áp lực của xã hội về sản phẩm thiết yếu phục vụ cuộc sống, sự đòi hỏi của khách hàng ngày càng cao về chất lượng sản phẩm phục vụ. Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long đã có nhiều cách làm đột phá để đạt được các chỉ tiêu đề ra, cân đối hài hoà giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và chức năng phục vụ xã hội.

Không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ xã hội cũng là nhiệm vụ chính trị là nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn quản lý. Doanh thu các năm sau đều tăng so với năm trước, qua đó tạo điều kiện tăng thu nhập, góp phần nâng cao đời sống cho người lao động. Trang thiết bị kỹ thuật được cải tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý mạng lưới cấp nước; có động thái tích cực, hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu. Bên cạnh việc thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Công ty đã đẩy mạnh công tác cải cách hành chính giải quyết nhanh chóng mọi yêu cầu của khách hàng...

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1 Tình hình tài sản:

STT	TÀI SẢN	Năm 2020		Năm 2021		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	164.818.225.998	33,57%	211.699.581.649	43,18%	46.881.355.651	28,44%
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	35.868.211.492	7,31%	17.043.455.529	3,48%	(18.824.755.963)	-52,48%
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	102.985.000.000	20,98%	163.491.000.000	33,34%	60.506.000.000	58,75%
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	8.848.435.576	1,80%	13.613.412.810	2,78%	4.764.977.234	53,85%
IV	Hàng tồn kho	14.562.226.738	2,97%	17.250.080.515	3,52%	2.687.853.777	18,46%
V	Tài sản ngắn hạn khác	2.554.352.192	0,52%	301.632.795	0,06%	(2.252.719.397)	-88,19%
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	326.157.661.938	66,43%	278.612.611.989	56,82%	(47.545.049.949)	-14,58%
I	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-
II	Tài sản cố định	265.675.314.693	54,11%	258.377.521.551	52,70%	(7.297.793.142)	-2,75%
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	21.341.483.412	4,35%	9.873.586.920	2,01%	(11.467.896.492)	-53,74%
V	Đầu tư tài chính dài hạn	34.770.754.818	7,08%	7.210.754.818	1,47%	(27.560.000.000)	-79,26%
VI	Tài sản dài hạn khác	4.370.109.015	0,89%	3.150.748.700	0,64%	(1.219.360.315)	-27,90%
	TỔNG TÀI SẢN	490.975.887.936	100,00%	490.312.193.638	100,00%	(663.694.298)	-0,14%

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021: 490,31 tỷ đồng, trong đó:

- a) *Tài sản ngắn hạn*: 211,7 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 43,18% tổng tài sản, tài sản ngắn hạn năm 2021 cao hơn tài sản ngắn hạn năm 2020 là 46,88 tỷ đồng (28,44%) gồm:
- Tiền và các khoản tương đương tiền: 17,04 tỷ đồng. Năm 2021, tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ thấp hơn năm 2020 là 18,82 tỷ đồng (-52,48%).
  - Đầu tư tài chính ngắn hạn: 163,49 tỷ đồng. Năm 2021, đầu tư tài chính ngắn hạn tăng hơn năm 2020 là 60,51 tỷ đồng (+58,75%).
  - Các khoản phải thu ngắn hạn: 13,61 tỷ đồng, gồm phải thu khách hàng: 6,61 tỷ đồng (chủ yếu là nợ phải thu tiền nước), trả trước cho người bán: 0,13 tỷ đồng, các khoản phải thu ngắn hạn khác: 7,37 tỷ đồng (chủ yếu là tiền lãi tiền gửi ngân hàng dự kiến phải thu đến ngày 31/12/2021), dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập dự phòng đến thời điểm 31/12/2021 là 509 triệu đồng. Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, thực hiện đối chiếu xác nhận công nợ tại thời điểm cuối năm, lập dự phòng theo quy định của pháp luật.
  - Quản lý Hàng tồn kho: 17,25 tỷ đồng, hàng tồn kho năm 2021 cao hơn năm 2020 là 2,69 tỷ đồng (+18,46%). Công tác kiểm kê được Công ty tổ chức thực hiện kiểm kê hàng tồn kho theo quy định.
  - Quản lý tài sản ngắn hạn khác: 302 triệu đồng, gồm chi phí trả trước ngắn hạn: 281,2 triệu

đồng, thuế và các khoản phải thu Nhà nước: 20,48 triệu đồng. Tài sản ngắn hạn khác giảm 2,25 tỷ đồng (-88,19%) so với năm 2020.

- b) *Tài sản dài hạn*: 278,61 tỷ đồng, chiếm 56,82% tổng tài sản, giảm 47,55 tỷ đồng (-14,58%) so với năm 2020.
- Quản lý tài sản cố định: 258,38 tỷ đồng, chiếm 52,70% tổng tài sản. Năm 2021, Tài sản cố định giảm 7,3 tỷ đồng (-2,75%) so với năm 2020.
  - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: 9,87 tỷ đồng, chủ yếu là các công trình phát triển mạng lưới cấp nước, giảm 11,47 tỷ đồng so với năm 2020.
  - Đầu tư tài chính dài hạn: 7,21 tỷ đồng, gồm tiền góp vốn đầu tư thành lập Công ty cổ phần nước và môi trường Cửu Long là 1,91 tỷ đồng (20% vốn điều lệ), Công ty cổ phần nước và môi trường Bình Tân 5 tỷ đồng (25% vốn điều lệ), Công ty cổ phần nước và môi trường Mang Thít 300 triệu đồng (15% vốn điều lệ).
  - Tài sản dài hạn khác: 3,15 tỷ đồng, là khoản chi phí trả trước dài hạn gồm công cụ dụng cụ, lợi thế kinh doanh chờ phân bổ khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được quản lý và hạch toán theo quy định. Năm 2021, chi phí trả trước dài hạn giảm so với năm 2020 là 1,22 tỷ đồng (-27,90%).

Cơ cấu tài sản của Công ty đang có xu hướng cân đối giữa tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn.

## 2.2 Tình hình nợ phải trả

STT	NGUỒN VỐN	Năm 2020		Năm 2021		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
A	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>114.452.681.393</b>	<b>23,31%</b>	<b>96.750.135.946</b>	<b>19,73%</b>	<b>(17.702.545.447)</b>	<b>-15,47%</b>
I	Nợ ngắn hạn	44.683.738.832	9,10%	48.282.397.124	9,85%	3.598.658.292	8,05%
II	Nợ dài hạn	69.768.942.561	14,21%	48.467.738.822	9,89%	(21.301.203.739)	-30,53%
B	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>376.523.206.543</b>	<b>76,69%</b>	<b>393.562.057.692</b>	<b>80,27%</b>	<b>17.038.851.149</b>	<b>4,53%</b>
I	Vốn chủ sở hữu	375.874.835.574	76,56%	392.238.686.723	80,00%	16.363.851.149,00	4,35%
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	648.370.969	0,13%	1.323.370.969	0,27%	675.000.000	104,11%
	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>490.975.887.936</b>	<b>100,00%</b>	<b>490.312.193.638</b>	<b>100,00%</b>	<b>(663.694.298)</b>	<b>-0,14%</b>

Nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 2021: 96,75 tỷ đồng, chiếm 19,73% tổng nguồn vốn, nợ phải trả năm 2021 thấp hơn năm 2020: 17,7 tỷ đồng (-15,47%).

- a) *Nợ phải trả ngắn hạn*: 48,28 tỷ đồng, chiếm 9,85% tổng nguồn vốn, nợ ngắn hạn năm 2021 cao hơn năm 2020: 3,6 tỷ đồng (+8,05%).
- b) *Nợ phải trả dài hạn*: 48,47 tỷ đồng, chiếm 9,89% tổng nguồn vốn, Nợ phải trả dài hạn năm 2021 thấp hơn năm 2020: 21,3 tỷ đồng (-30,53%), trong đó nợ vay dài hạn là 29,19 tỷ đồng (nợ vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - PGD Vĩnh Long).  
Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, thực hiện đối chiếu xác nhận công nợ tại thời điểm cuối năm theo quy định.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng nhằm làm thay đổi và nâng cao hình ảnh, uy tín công ty đối với khách hàng, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao vai trò trách nhiệm của cán bộ, công nhân lao động, hướng đến mục tiêu phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

Để phục vụ khách hàng được tốt hơn, việc tiếp nhận các hồ sơ của khách hàng cũng như giải đáp thắc mắc, khiếu nại được thực hiện tại một điểm (Phòng Kinh doanh), từ khi tiếp nhận hồ sơ đến khi có kết quả giải quyết Công ty đã triển khai thực hiện mô hình “Chăm sóc khách hàng” với mục đích xây dựng mô hình chăm sóc khách hàng theo cơ chế “Một cửa”.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành một số quy chế quản lý và quy trình thực hiện công việc nhằm giải quyết tình trạng ách tắc giữa các phòng ban, bộ phận còn tồn tại trong năm 2020.

Khâu dịch vụ khách hàng cũng đã được cải tiến đáng kể thông qua việc liên kết với nhiều ngân hàng, mở thêm các dịch vụ tiện ích thanh toán tiền nước, các dịch vụ thu hộ tiền nước..., giúp khách hàng có thể chọn lựa kênh thanh toán, hình thức thanh toán tiền nước phù hợp hơn với điều kiện sống của gia đình, giảm thiểu việc đi lại, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí đối với khách hàng.

Phối hợp với Trung tâm công nghệ thông tin địa lý xây dựng hoàn thiện phần mềm GIS để ứng dụng vào công tác quản lý mạng, đến nay công tác chuẩn bị đã hoàn tất và đưa vào sử dụng trong thời gian tới.

Xây dựng phòng Scada để ứng dụng vào công tác điều hành, quản lý; ứng dụng mô hình hệ thống thông tin địa lý (GIS) vào quản lý mạng lưới cấp nước.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long ngoài việc kinh doanh mang lại hiệu quả cho Công ty còn phải thực hiện nhiệm vụ chính trị là cung cấp nước sạch, góp phần cải thiện đời sống an sinh xã hội cho nhân dân.

Căn cứ tình hình thực tế và kết quả đạt được trong năm 2021, Công ty định hướng kế hoạch SXKD năm 2022 như sau:

#### 4.1 Mục tiêu nhiệm vụ năm 2022

Gia tăng sản lượng nước tiêu thụ.

Bảo toàn, sử dụng hiệu quả đồng vốn của Công ty.

Đảm bảo chất lượng nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ theo các tiêu chuẩn quy định của nhà nước. Phần đầu đạt chỉ tiêu 100% tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch.

Tỷ lệ thất thoát nước: 18,7%.

Từng bước áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hệ thống mạng lưới cấp nước, nâng cao hiệu suất công tác ghi đọc chỉ số và từng bước nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Duy trì hoạt động kinh doanh có lãi, đảm bảo thu nhập và chăm lo đời sống tinh thần của người lao động.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý và khai thác hạ tầng kỹ thuật.

Đảm bảo cấp nước an toàn; đầu tư xây dựng các chương trình chống hạn, mặn do biến đổi khí hậu.

#### 4.2 Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tỷ lệ %
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	m <sup>3</sup>	18.102.858	18.650.000	103,02%
2	Tỷ lệ thất thoát nước	%	19,50%	18,70%	95,90%
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu/đ	192.831	198.754	103,07%
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu/đ	74.702	76.967	103,03%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu/đ	69.081	71.454	103,44%
6	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu/đ	17.971	18.526	103,09%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	%	23,90%	24,72%	103,43%
8	Vốn điều lệ	Triệu/đ	289.000	289.000	100,00%

#### 4.3 Biện pháp thực hiện

##### a) Về quản lý sản xuất:

Quản lý vận hành tốt các nhà máy sản xuất: Thực hiện có hiệu quả công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị; quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào.

Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo luật Tài nguyên nước.

Quản lý chất lượng nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

##### b) Về quản lý doanh thu và chi phí:

Phối hợp với các địa phương để mở rộng vùng phục vụ cấp nước, đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước nhằm tăng lượng khách hàng sử dụng nước, tăng cường quản lý khách hàng tiềm năng.

Hạch toán bảo đảm tính đúng, tính đủ các khoản chi phí sản xuất và tiêu thụ vào giá thành nước sạch hợp lý bao gồm cả chi phí đầu nối hộ khách hàng theo Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, chi phí duy trì đầu nối, lãi vay, chi phí thực hiện cấp nước an toàn...

Thực hiện tốt công tác dịch vụ, chăm sóc khách hàng, khuyến khích người tiêu dùng gia tăng tiêu thụ; thực hiện quản lý theo hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.

Cải tiến công tác ghi thu tiền nước, thực hiện thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất.

##### c) Về tiết kiệm chi phí thông qua việc phòng chống thất thoát nước

Tích cực thực hiện công tác phòng, chống thất thoát, thất thu nước sạch bằng các biện pháp cụ thể như:

Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước: Đầu tư mới, lựa chọn chủng loại đồng hồ đạt tiêu chuẩn cao; kiểm định đầu vào, kiểm định định kỳ; thay thế đồng hồ đến hạn kiểm định; tăng cường kiểm tra chống thất thoát qua đồng hồ.

Khai thác, sử dụng tối đa phần mềm GIS để quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng, đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thủy lực, quản lý mạng.

Xây dựng kế hoạch cải tạo mạng lưới cấp nước cho từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

Xây dựng chương trình phối hợp cộng đồng trong việc bảo vệ tài sản mạng đường ống cấp nước và phòng chống thất thoát nước đảm bảo không vượt tỷ lệ % kế hoạch.

Tăng cường trách nhiệm đối với công tác trực và xử lý sự cố, đảm bảo phát hiện, sửa chữa nhanh chóng, kịp thời.

##### d) Các biện pháp khác



Thực hiện tốt các bước trong quy trình xây dựng cơ bản, thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên thứ tự hiệu quả đầu tư và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt.

Chống lãng phí về thời gian lao động: xây dựng định mức, định biên lại các công việc tại các Phòng, Ban, Đội để giảm chi phí và tăng thu nhập.

Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất và quản lý nhằm giảm chi phí, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng dịch vụ, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bổ sung đủ nhân lực theo định hướng sử dụng lao động thời vụ; tiến hành sắp xếp cải tiến công việc, định mức lại công việc và thực hiện khoán chi phí cho các Chi nhánh, Xí nghiệp, Nhà máy.

Xây dựng và hoàn thiện các quy chế nội bộ để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** không có

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

Nhiệm vụ cung cấp nước sạch an toàn, liên tục, đảm bảo chất lượng, phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu của Công ty. Với sự nỗ lực của tập thể, năm 2021 Công ty đã hoàn thành kế hoạch cấp nước, góp phần ổn định, và nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:**

Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng với sự nỗ lực của tập thể người lao động và sự chỉ đạo kịp thời của Ban điều hành, năm 2021 Công ty đã hoàn thành kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua, đặc biệt là chỉ tiêu sản lượng nước cung cấp và doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước.

Trong công tác tài chính, Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật; đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn;

Việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của công ty;

Đánh giá được tầm quan trọng và hiệu quả của Chương trình giảm nước thất thoát thất thu, Công ty đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp phù hợp như: tập trung triển khai các dự án sửa chữa, nâng cấp mạng lưới cấp nước; kiểm soát các khu vực đã phân vùng tách mạng; tăng cường công tác dò tìm và sửa chữa ống bể... Nhận thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của đơn vị đối với xã hội, Công ty đã phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng đơn vị cấp nước vững mạnh và vì cộng đồng. Chỉ đạo và giám sát thường xuyên công tác tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;

Về mặt kinh doanh, Công ty thực hiện đúng các quy định về cấp nước, mở thêm kênh thanh toán tiền nước thông qua việc liên kết với các ngân hàng và các dịch vụ thu hộ, tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể thanh toán tiền nước mọi lúc, mọi nơi.

Trong công tác tài chính, Công ty đã cung cấp đầy đủ và kịp thời báo cáo theo quy định của Luật Kế toán và Luật Chứng khoán, phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo điều hành và quản trị nội bộ.

Hoàn thành chỉ tiêu hộ dân được cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn Tỉnh.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết; Quyết định của Hội đồng quản trị trong quá trình điều hành công ty.

Trong năm 2021, Công ty gặp nhiều khó khăn, dịch bệnh Covid-19 kéo dài, tình trạng xâm nhập mặn trên địa bàn quản lý diễn ra rất phức tạp khó lường, nhưng Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp tích cực nhằm hoàn thành kế hoạch đã đề ra, góp phần giải quyết nhu cầu nước sạch của người dân trên địa bàn quản lý đồng thời hỗ trợ nước sạch cho các địa phương lân cận bị hạn mặn;

Duy trì chế độ họp giao ban định kỳ nghiêm túc và hiệu quả, thể hiện được vai trò chỉ huy và thống nhất trong Ban điều hành;

Thành viên Ban giám đốc am hiểu nghiệp vụ chuyên môn, có tâm huyết, dám nghĩ dám làm và tạo được mối quan hệ tốt về nội bộ, nhất là với cổ đông lớn;

Ban Tổng giám đốc đã có những điều chỉnh, thay đổi kịp thời trong công tác tổ chức, cải tiến quy trình làm việc để hoàn thiện bộ máy sản xuất kinh doanh và quản lý công việc hiệu quả hơn. Chấp hành đầy đủ chủ trương, chính sách và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị. Chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò của Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh. Năm 2021 Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Chỉ đạo quản trị hoạt động của doanh nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022. Tăng cường công tác dự báo tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính của công ty an toàn, hiệu quả và phát triển nguồn vốn, tăng cường công tác giám sát, quản lý tốt công nợ nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ gia tăng sản lượng, nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng vùng phục vụ của công ty.

Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực chuyên môn cao và nhiệt huyết trong công việc, có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự để bổ sung kịp thời theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị, điều hành thông qua việc xây dựng và ban hành các quy định, quy chế quản trị nội bộ, đặt biệt là việc xây dựng và ban hành bộ định mức đối với hoạt động xây lắp và sản xuất nước sạch, nước đóng chai... đưa vào sử dụng hình thức khoán chi phí đến từng bộ phận, trả lương theo năng suất và hiệu quả công việc.

Phấn đấu đạt tỷ lệ hộ dân cấp nước theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, tập trung thực hiện cấp nước an toàn, đầu tư có chiều sâu để giảm tỷ lệ thất thoát nước, đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nước sạch của tất cả khách hàng trên địa bàn tỉnh.

Tập trung tuyên truyền nâng cao ý thức kỷ luật lao động, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, thực hành tiết kiệm và quản lý tốt chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.

Phát triển mạng lưới cấp nước nhằm gia tăng số lượng khách hàng sử dụng nước  
 Tăng cường công tác chống thất thoát nước  
 Cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.  
 Tiếp tục hoàn thiện lộ trình thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt  
 Tái cơ cấu toàn diện công ty với phương châm tinh gọn về tổ chức bộ máy nhân sự, hiệu quả trong điều hành tập trung vào các hoạt động cốt lõi là sản xuất và kinh doanh nước sạch đồng thời mở rộng đầu tư hoặc hợp tác đầu tư ở những lĩnh vực cho phép.  
 Thực hiện chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và các quy định của pháp luật.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

a.1 Các thành viên HĐQT 06 tháng đầu năm 2021 (thuộc nhiệm kỳ 2016-2020 kết thúc ngày 30/06/2021).

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu, đại diện	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết
1	Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch HĐQT	- Cổ phần cá nhân sở hữu	186.800	0,65%
			- Cổ phần đại diện UBND tỉnh Vĩnh Long	11.791.200	40,80%
2	Nguyễn Tấn Phát	Thành viên HĐQT	- Cổ phần cá nhân sở hữu	57.400	0,20%
			- Cổ phần đại diện UBND tỉnh Vĩnh Long	2.947.800	10,20%
3	Bùi Thiện Ngọc Minh	Thành viên HĐQT	- Cổ phần cá nhân sở hữu	16.400	0,06%
4	Lê Thị Quyển	Thành viên HĐQT	- Cổ phần cá nhân sở hữu	15.300	0,05%
5	Huỳnh Văn Nhân	Thành viên HĐQT	- Cổ phần đại diện Công ty cổ phần nước và môi trường Đồng Bằng	1.445.000	5,00%
6	Đặng Thanh Bình	Thành viên HĐQT	- Cổ phần đại diện Công ty cổ phần đầu tư Đà Nẵng-Miền Trung	9.725.962	33,65%
7	Trần Ngọc Thành Nhơn	Thành viên HĐQT		-	-

a.2 Các thành viên HĐQT 06 tháng cuối năm 2021 (thuộc nhiệm kỳ 2021-2026 bắt đầu từ ngày 30/06/2021).

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu, đại diện	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết
1	Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch HĐQT	- Cổ phần cá nhân sở hữu	186.800	0,65%
			- Cổ phần đại diện UBND tỉnh Vĩnh Long	11.791.200	40,80%
2	Nguyễn Tấn Phát	Thành viên HĐQT	- Cổ phần cá nhân sở hữu	57.400	0,20%
			- Cổ phần đại diện UBND tỉnh Vĩnh Long	2.947.800	10,20%
3	Lê Thị Quyên	Thành viên HĐQT	- Cổ phần cá nhân sở hữu	15.300	0,05%
4	Đặng Thanh Bình	Thành viên HĐQT	- Cổ phần đại diện công ty cổ phần đầu tư Đà Nẵng- Miền Trung	9.725.962	33,65%
5	Nguyễn Trường Ánh	Thành viên HĐQT		-	-

Số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty nắm giữ tại các công ty khác:

Ông Đặng Tấn Chiến: Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Bình Tân.

Ông Nguyễn Tấn Phát: Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cửu Long; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Mang Thít.

Ông Đặng Thanh Bình: Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước KonTum; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

Ông Nguyễn Trường Ánh: Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước KonTum

*b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:*

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị chỉ bổ nhiệm 1 người phụ trách quản trị công ty theo quy định đối với công ty đại chúng.

*c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:*

Thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao nhất, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của công ty. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	18/01/2021	Ủy quyền ký thư bảo lãnh tại các ngân hàng
2	02/NQ-HĐQT	29/03/2021	Gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
3	03/NQ-HĐQT	31/03/2021	Thông qua ngày 26/05/2021 là ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
4	04/NQ-HĐQT	13/05/2021	Thay đổi ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đến ngày 30/06/2021
5	05/NQ-HĐQT	14/05/2021	Thông qua việc hủy danh sách cổ đông thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày đăng lý cuối cùng 20/04/2021 và phê duyệt lại ngày đăng lý cuối cùng là ngày 04/06/2021.
6	06/NQ-HĐQT	30/06/2021	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 bầu ông Đặng Tấn Chiến làm chủ tịch HĐQT
7	07/NQ-HĐQT	01/07/2021	Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021
8	08/NQ-HĐQT	09/09/2021	Tạm ứng 5% cổ tức năm 2021
9	09/NQ-HĐQT	31/12/2021	Phiên họp HĐQT thường kỳ quý 4/2021
10	42/QĐ-HĐQT	30/06/2021	Bổ nhiệm kế toán trưởng Ông Lê Văn Thắng
11	43/QĐ-HĐQT	30/06/2021	Bổ nhiệm Tổng Giám Đốc Ông Nguyễn Tấn Phát
12	44/QĐ-HĐQT	30/06/2021	Miễn nhiệm chức danh kế toán trưởng Bà Bùi Thiện Ngọc Minh
13	45/QĐ-HĐQT	30/06/2021	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc Ông Lương Minh Triết
14	Các Quyết định điều hành doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh năm 2021 thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT		

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Danh sách thành viên HĐQT tham gia khóa đào tạo về quản trị trong năm 2021: không có

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty:

Ông Đặng Tấn Chiến – Chủ tịch HĐQT : Chứng chỉ CEO

Ông Nguyễn Tấn Phát – Thành viên HĐQT: Chứng chỉ CEO

Bà Lê Thị Quyên – Thành viên HĐQT: Chứng chỉ CHRO

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

a.1 Các thành viên BKS 06 tháng đầu năm 2021 (thuộc nhiệm kỳ 2016-2020 kết thúc ngày 30/06/2021).

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu, đại diện	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết
1	Lương Minh Triết	Trưởng ban kiểm soát	- Cổ phần cá nhân sở hữu	15.000	0,05%
2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	- Cổ phần cá nhân sở hữu	6.600	0,02%
3	Trần Thị Huỳnh Mai	Thành viên Ban kiểm soát	- Cổ phần cá nhân sở hữu	3.000	0,01%

a.2 Các thành viên BKS 06 tháng cuối năm 2021 (thuộc nhiệm kỳ 2021-2026 bắt đầu từ ngày 30/06/2021).

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu, đại diện	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bùi Thiện Ngọc Minh	Trưởng ban kiểm soát	- Cổ phần cá nhân sở hữu	16.400	0,06%
2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	- Cổ phần cá nhân sở hữu	6.600	0,02%
3	Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên Ban kiểm soát		-	-

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty, Ban Kiểm soát đã xây dựng và triển khai Chương trình công tác, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành về việc thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ Đông và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021, thẩm tra báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm 2021 một cách thận trọng, chính xác, đảm bảo quyền lợi cổ đông. Các thành viên trong Ban Kiểm soát tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát như sau :

- Các cuộc họp BKS trong 06 tháng đầu năm 2021 của nhiệm kỳ 1:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lương Minh Triết	2/2	100%	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	2/2	100%	100%	
3	Bà Trần Thị Huỳnh Mai	2/2	100%	100%	

- Các cuộc họp BKS trong 06 tháng cuối năm 2021 thuộc nhiệm kỳ 2:

Do tình hình dịch bệnh covid 19 bùng phát, các địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg nên các thành viên BKS đã tổ chức họp trực tuyến (thành viên BKS Nguyễn Thị Thu Hà đã ủy quyền cho Trưởng BKS Bùi Thiện Ngọc Minh biểu quyết).

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Bùi Thiện Ngọc Minh	2/2	100%	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	2/2	100%	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	2/2	100%	100%	

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Stt	Chỉ tiêu	Chức vụ	Thù lao	Tiền lương	Tiền thưởng	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>270.000.000</b>	-	-	
	Nguyễn Tấn Phát	Thành viên	60.000.000	-	-	
	Lê Thị Quyến	Thành viên	60.000.000	-	-	
	Bùi Thiện Ngọc Minh	Thành viên	30.000.000	-	-	Miễn nhiệm ngày 30/06/2021
	Huỳnh Văn Nhân	Thành viên	30.000.000	-	-	Miễn nhiệm ngày 30/06/2021
	Đặng Thanh Bình	Thành viên	60.000.000	-	-	
	Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên	30.000.000			
	Trần Ngọc Thành Nhơn	Thành viên	-	-	-	Xin miễn nhiệm từ 01/01/2021
<b>2</b>	<b>Người quản lý, điều hành công ty (Chủ tịch HĐQT, TGĐ, PTGD, KTT)</b>		<b>-</b>	<b>2.123.213.760</b>	<b>265.401.720</b>	
	<i>Trong đó: Tổng giám đốc</i>	Đồng	-	517.809.600	64.726.200	
<b>3</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>Đồng</b>	<b>77.000.000</b>	<b>460.800.000</b>	<b>57.600.000</b>	
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>347.000.000</b>	<b>2.584.013.760</b>	<b>323.001.720</b>	

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

STT	Tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch với Công ty	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Diễn giải
1	Công ty Cổ phần nước và Môi trường Cửu Long (MEWACO)	Mua nước sạch	7.699.146.000	- Ông Huỳnh Văn Nhân: TV.HĐQT Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long (miễn nhiệm ngày 30/6/2021) giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Cửu Long; - Ông Nguyễn Tấn Phát: TV.HĐQT Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long giữ chức TV.HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Cửu Long; - Ông Lương Minh Triết: Phó tổng giám đốc Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long giữ chức Trưởng BKS Công ty CP Nước và Môi trường Cửu Long.
2	Công ty Cổ phần nước và Môi trường Bình Tân (BITAWACO)	Thanh lý tài sản cố định	69.878.000	- Ông Đặng Tấn Chiến: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long giữ chức Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP nước và Môi trường Bình Tân.

d) *Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2021 Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long đã được kiểm toán bởi CN Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn A&C tại Cần Thơ.

Chi tiết được thể hiện tại Báo cáo tài chính đính kèm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT CỦA CÔNG TY



**Đặng Tấn Chiến**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị